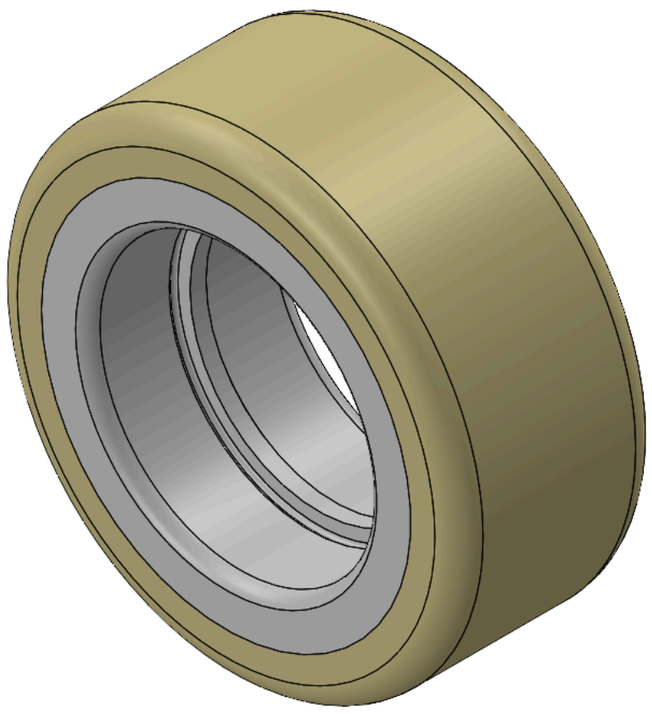
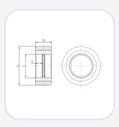


Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

Series AGPU

# Đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 58 x 25mm

YJ-12033532100100 Sao chép mã

| Đường kính bánh xe(D) | Tải trọng (động) | vòng bi bánh xe |
|---|---|---|
| **58mm** | **50kgs** | **Không có vòng bi** |

- Sản phẩm sở hữu hiệu suất động tuyệt vời, độ bền xé vượt trội và độ dẻo dai đặc biệt.
- Nó cũng thể hiện khả năng chống mài mòn rất tốt, độ đàn hồi cao, khả năng chịu tải và độ bền cơ học cao, và khả năng chống va đập mà không bị biến dạng.
- Thích hợp cho xe nâng, xe xếp dỡ điện, máy móc hạng nặng, xe tự hành AGV, và trong các ngành công nghiệp và giải trí.
- Màu sắc chân thực của GPU
- Lõi bên trong: Lõi nhôm
- Gia công ngoài: Polyurethane chất lượng cao
- Vòng bi: —

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.

## Bảng dữ liệu sản phẩm

| | | | |
|---|---|---|---|
| Đường kính bánh xe(D) | **58mm** | Chiều rộng bánh xe(T2) | **25mm** |
| vòng bi bánh xe | **Không có vòng bi** | Đường kính lỗ ổ bi (d) | **—** |
| Đường kính lỗ ổ bi (S) | **35mm** | Chiều sâu lỗ ổ bi(t) | **11.5mm** |
| Chiều rộng lõi trục(T1) | **—mm** | Độ cứng | **95±5° Shore A** |
| Tải trọng (động) | **50kgs** | Tải trọng (tĩnh) | **75kgs** |
| Nhiệt độ | **-20°C to +70°C** | Dẫn điện | **N/A** |
| Chống tĩnh điện | **N/A** | Trọng lượng bánh xe đẩy | **0.08kgs** |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm | **ISO22883** | | |

* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét

## Chỉ số hiệu năng

**Độ di chuyển mượt mà**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5

**Độ êm khi vận hành**
Tối đa 5 điểm Điểm: 3

**Bảo vệ mặt sàn**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5



© 2026 DERSHENG CO., LTD. Bảo lưu mọi quyền.